

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, hợp đồng góp hội
và tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Quốc

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: Chị Lê Thị Kim Q, sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phạm Thị H (có yêu cầu độc lập) (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

2/ Bà Nguyễn Thị T (có yêu cầu độc lập) (có mặt)

Trú tại: ấp P, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

3/ Bà Lê Thị Đ (có yêu cầu độc lập) (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

4/ Bà Nguyễn Thị Ph (có yêu cầu độc lập) (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

5/ Ông Lê Văn N (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

6/ Bà Nguyễn Thị S (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

7/ Bà Lê Kim Nh (vắng mặt)

Trú tại: ấp K, xã V, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

8/ Ngân hàng C (có yêu cầu độc lập)

Trụ sở: Số 1, phố L, phường H, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: ấp T, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng C: Ông Dương A – Chức vụ:
Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C: Ông Nguyễn Hoàng N –
Giám đốc Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện tham gia tố tụng của Ngân hàng C: Ông Trần Bá T – Phó
giám đốc phụ trách Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu
Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày: Anh và chị Lê Thị Kim Q chung sống năm 1998 và có đăng ký kết hôn năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng hay cãi vã, vợ không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng đã ly thân khoảng một năm nay. Anh H yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, một người con đã thành niên và một người con tên Lê Nguyễn K, sinh ngày 10/12/2007. Cháu muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một căn nhà bằng cây lợp tol, cất trên đất của cha mẹ anh, và một vài vật dụng gia đình. Tài sản này hiện do anh đang quản lý. Do không còn giá trị lớn nên anh H không có yêu cầu gì đối với tài sản này.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ tiền hui mẹ ruột của anh H bà Phạm Thị H 91.000.000 đồng, nợ tiền hui của bà Lê Thị Đ 41.000.000 đồng, nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị Ph (đại diện hội phụ nữ ấp Đ) 10.000.000 đồng, nợ tiền hui của bà Nguyễn Thị T 8.000.000 đồng, nợ tiền vay của bà Lê Kim Nh 15.000.000 đồng, nợ

tiền vay của mẹ ruột chị Q là bà Nguyễn Thị S 3.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24k và nợ Ngân hàng C 72.000.000 đồng (nợ khoản vay hộ thoát nghèo 40.000.000 đồng, khoản vay nhà vượt lũ 20.000.000 đồng, vay cây nước 12.000.000 đồng). Vợ chồng chia đôi số nợ này để trả.

Tại các lời khai của bị đơn chị Lê Thị Kim Q trình bày: Chị và anh Lê Văn H chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2005. Quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn. Do anh H nhiều lần đánh đập chị, không thể tiếp tục chung sống. Chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, một người con đã thành niên và một người con tên Lê Nguyễn K, sinh ngày 10/12/2007. Cháu muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một căn nhà bằng cây lợp tol, cất trên đất của cha mẹ chồng, và một vài vật dụng gia đình, hiện anh H đang quản lý. Chị Q không có yêu cầu gì đối với tài sản này.

Về nợ: Vợ chồng có nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị Ph (đại diện hội phụ nữ ấp Đ) 10.000.000 đồng, nợ tiền hụi của bà Đ 41.000.000 đồng, thiếu mẹ ruột của chị Quyên là bà S là 3.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24k, thiếu cha của chị Q ông Nguyễn Văn N 01 chỉ vàng 24k, thiếu bà Lê Kim Nh 25.000.000 đồng. Đối với khoản nợ Ngân hàng C thì chị Q chỉ biết vợ chồng có vay 12.000.000 đồng khoản vay cây nước, còn khoản vay còn lại của Ngân hàng C chị Q không biết. Số tiền của bà Phạm Thị H thì chị Q không biết, số tiền hụi của bà Nguyễn Thị T thì chị Q có biết. Các khoản nợ chị Q không đồng ý trả, vì chị Q cho rằng đã ra đi khỏi nhà, không đem theo tài sản gì nên anh H tự trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Phạm Thị H trình bày: Yêu cầu vợ chồng anh H, chị Q trả cho bà 91.000.000 đồng tiền hụi. Khi chơi hụi anh H là người đứng tên trên sổ hụi, nhưng chị Q có biết và có giao nhận tiền hụi với bà.

Bà Lê Thị Đ trình bày: Yêu cầu vợ chồng anh H, chị Q trả 41.000.000 đồng tiền hụi. Khi chơi hụi anh H là người đứng tên trên sổ hụi, nhưng chị Q có biết và có giao nhận tiền hụi với bà.

Bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bà được Ủy ban xã P giao phụ trách chi hội phụ nữ ấp Đ, hội có mở tổ hùn vốn tiết kiệm do bà là hội trưởng, cho vay tiết kiệm trong hội. Anh H, chị Q có vay của hội thông qua bà số tiền là 10.000.000 đồng vào năm 2019. Bà là người trực tiếp đưa tiền cho anh H và chị Q, và hàng tháng anh H, chị Q đóng lãi trực tiếp cho bà. Bà yêu cầu anh H, chị Q trả cho bà 10.000.000

đồng tiền vay để bà trả lại tổ tiết kiệm.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Năm 2020 anh H, chị Q có mượn của bà 3.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24k. Bà không yêu cầu anh H, chị Q trả nợ trong vụ án này.

Bà Lê Kim Nh trình bày: Năm 2020 anh H, chị Q có mượn của bà 30.000.000 đồng, sau đó anh H mượn thêm 4.000.000 đồng, và anh H bán lại căn nhà cho bà trị giá 9.000.000 đồng, cần trừ tiền còn nợ lại 25.000.000 đồng. Bà không yêu cầu anh H, chị Q trả nợ trong vụ án này.

Ông Lê Văn N trình bày: Ông không nhớ thời gian nào anh H, chị Q có mượn của ông 01 chỉ vàng 24k, nói mượn làm vốn mua bán. Ông không yêu cầu anh H, chị Q trả nợ trong vụ án này.

Đại diện Ngân hàng C trình bày: Anh H, chị Q có vay của Ngân hàng 03 khoản vay gồm: Vay hộ thoát nghèo 40.000.000 đồng, khoản vay nhà vượt lũ 20.000.000 đồng, vay cây nước 12.000.000 đồng. Tổng cộng vay 72.000.000 đồng, yêu cầu trả gốc và lãi phát sinh thực tế đến ngày trả tất nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Kim Q chung sống vào năm 1998, có đăng ký kết hôn năm 2005, nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Anh H cho rằng do chị Q không lo cho gia đình, thường xuyên cự cãi, xúc phạm lẫn nhau, nên vợ chồng không thể chung sống và đã ly thân khoảng 01 năm nay. Theo chị Q thì do anh H thường xuyên đánh đập chị, nên vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và diễn biến tại phiên tòa, cho thấy anh H và chị Q mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh H, chị Q thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh H và chị Q có 02 con chung, 01 người con đã trưởng thành, và 01 người con tên Lê Nguyễn K, sinh ngày 10/12/2007. Cháu K có nguyện vọng sống chung với anh H, và qua xác minh tại địa phương anh H có đủ điều kiện nuôi con. Trên cơ sở đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội

đồng xét xử giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Anh H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh H, chị Q không ai yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị S, bà Lê Kim Nh không yêu cầu anh H, chị Q trả nợ trong vụ án này nên không đặt ra giải quyết.

[4.1] Đối với tiền nợ hui của bà Nguyễn Thị T là 8.000.000 đồng, nợ hui của bà Lê Thị Đ là 41.000.000 đồng mà các đương sự yêu cầu. Anh H thừa nhận anh là người đứng tên trên các dây hui của bà T, bà Đ làm chủ hui và vợ chồng có nợ số tiền như bà T, bà Đ trình bày, chị Q thừa nhận là vợ chồng còn thiếu tiền hui của bà T, và bà Đ nhưng không đồng ý trả nợ mà trách nhiệm trả nợ là của anh H. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà T, bà Đ yêu cầu anh H và chị Q cùng trả nợ hui chứ không phải yêu cầu cá nhân anh H trả. Và bà T, bà Đ khởi kiện đã chứng minh được yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đó chính là lời thừa nhận của anh H và chị Q. Chị Q thừa nhận nợ nhưng không đồng ý trả nợ là không phù hợp. Nên buộc anh H và chị Q phải trả tiền hui cho bà T 8.000.000 đồng và bà Lê Thị Đ 41.000.000 đồng.

[4.2] Đối với khoản vay 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ph, đại diện chi hội phụ nữ ấp Đ, xã P. Anh H, chị Q cũng thừa nhận có vay số tiền trên, nên anh chị phải có nghĩa vụ cùng trả nợ. Bà Ph cho rằng bà là người trực tiếp đưa tiền cho anh H, chị Q, nên anh H chị Q phải thanh toán lại cho bà để bà trả lại cho Chi hội phụ nữ ấp Đ. Anh H, chị Q thừa nhận khi giao nhận tiền là giao dịch trực tiếp với bà Ph, anh chị không biết thành viên trong hội là ai, và trách nhiệm trả nợ là trả cho bà Ph, chứ không phải trả cho Hội. Chính vì vậy Hội đồng xét xử buộc anh H, chị Q trả cho bà Ph 10.000.000 đồng là phù hợp.

[4.3] Đối với khoản nợ hui của bà Phạm Thị H. Bà H yêu cầu anh H, chị Q trả tiền hui 91.000.000 đồng. Anh H thừa nhận số nợ trên và trách nhiệm trả nợ là của vợ chồng. Bà H cho rằng anh H là người trực tiếp đứng tên trên các dây hui do bà làm chủ, nhưng khi hốt hui thì bà đưa tiền hui cho chị Q, và những lần đóng hui thì chị Q đưa tiền cho bà. Chị Q không thừa nhận có tham gia chơi hui của bà H, việc bà H với anh H giao dịch hui như thế nào chị không biết. Và bà H cũng như anh H cũng không có chứng cứ chứng minh việc chị Q có tham gia chơi hui của bà H, có biết và sử dụng số tiền hui vào mục đích phục vụ sinh hoạt gia đình. Do đó bà H yêu cầu anh H, chị Q cùng trả nợ là không phù hợp. Anh H thừa nhận còn nợ

bà H 91.000.000 đồng thì anh có trách nhiệm trả. Không có căn cứ buộc chị Q trả số nợ hụi này.

[4.4] Đối với khoản vay của Ngân hàng C tổng cộng là 72.000.000 đồng. Anh H thừa nhận vợ chồng có nợ số nợ trên. Tuy nhiên chị Q chỉ thừa nhận có khoản vay cây nước là 12.000.000 đồng, còn khoản vay hộ thoát nghèo 40.000.000 đồng và khoản vay nhà vượt lũ là 20.000.000 đồng thì chị không biết. Tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2021, đại diện Ngân hàng C cho rằng các khoản vay thông qua bà Nguyễn Thị Ph. Khi giải ngân thì Ngân hàng đưa tiền trực tiếp cho anh Lê Văn H nhận, còn quá trình làm hồ sơ vay thì thông qua cán bộ ở địa phương là chị Nguyễn Thị Ph. Và Ngân hàng C cũng cho rằng ở các khoản vay trên thì cá nhân cũng có thể vay được. Bà Ph thì cho rằng đối với khoản vay 40.000.000 đồng và 20.000.000 đồng thì bà đưa hồ sơ cho anh H về làm thủ tục, còn chị Q có biết và có ký hay không thì bà không biết. Anh H khai rằng các khoản vay chị Q đều biết và vay để tiêu dùng trong gia đình. Riêng khoản vay 40.000.000 đồng và 20.000.000 đồng anh có đưa hồ sơ cho chị Q ký nhưng chị Q không biết chữ nên anh ký thay rồi đưa hồ sơ lại cho bà Ph. Từ những căn cứ trên thì không có cơ sở để cho rằng chị Q có biết các khoản nợ vay hộ thoát nghèo và khoản vay nhà vượt lũ. Anh H cho rằng vay để phục vụ cho nhu cầu của gia đình, nhưng chị Q không thừa nhận thì cũng không có cơ sở để buộc chị Q trả món nợ 40.000.000 đồng và món nợ 20.000.000 đồng. Do đó chỉ buộc chị Q và anh H trả cho Ngân hàng C tiền vay 12.000.000 đồng, đối với khoản vay hộ thoát nghèo 40.000.000 đồng và nhà vượt lũ thì anh H phải thanh toán cho Ngân hàng C.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn H phải chịu là: 151.000.000 đồng x 5% = 7.550.000 đồng. Anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim Q phải chịu là 71.000.000 đồng x 5% = 3.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim Q.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn K, sinh ngày 10/12/2007 cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Chị Lê Thị Kim Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H, chị Q tự thỏa thuận.

Về nợ:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị Đ, bà Nguyễn Thị Ph.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị H;

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng C.

Buộc anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim Q trả cho bà Nguyễn Thị T 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*).

Buộc anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim Q trả cho bà Lê Thị Đ 41.000.000 đồng (*bốn mươi một triệu đồng*).

Buộc anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim Q trả cho bà Nguyễn Thị Ph 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Buộc anh Lê Văn H trả cho bà Phạm Thị H 91.000.000 đồng (*chín mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim Q trả cho Ngân hàng C 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*).

Buộc anh Lê Văn H trả cho Ngân hàng C 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn H phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã đóng theo biên lai số 0007626 ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh H đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn H phải chịu là 7.550.000 đồng. Anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim Q phải chịu là 3.550.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ph 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0007693 ngày 16/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0007689 ngày 15/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Đ 1.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0007690 ngày 15/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị H 2.275.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0007688 ngày 15/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND xã Đ,**
- h. Châu Thành, t. Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Ngô Huỳnh